

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Sâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Lê Trọng O, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Bà X có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông O vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày: Bà và ông Lê Trọng O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1987 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Năm 2018 anh O có làm đơn định xin ly hôn bà nhưng chưa nộp ra tòa án. Vợ tiếp tục chung sống đến năm 2021 thì anh mâu thuẫn căng thẳng, anh O có đánh bà phải đi nằm viện. Đến 3/3/2024 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà đã bỏ về nhà em gái bà ở thị trấn C ở. Vợ chồng ly thân năm 2021 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn anh O.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là cháu Lê Thị Minh T, sinh ngày 06/01/1987 và cháu Lê Tiến T1, sinh ngày 30/9/1989. Hiện nay các con chung đều đã thành niên nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, *P bị đơn ông Lê Trọng O, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng đúng như chị X trình bày. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có mâu thuẫn về ý ăn ý ở trong cuộc sống vợ chồng nên có nói nhau. Bà X có thách ông làm đơn ly hôn nên ông có làm đơn nhưng ông chưa đưa bà X và cũng chưa nộp ra tòa án. Tuy nhiên vợ chồng vẫn chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, khi mâu thuẫn bà X có thách ông đánh nên tôi có tát bà X. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, tuy ly thân nhưng vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Đến đầu tháng 3/2024 thì mâu thuẫn căng thẳng hơn, bà X đã về nhà em gái bà X ở, từ đó không quay về chung sống cùng ông nữa. Nay bà X xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là cháu Lê Thị Minh T, sinh ngày 06/01/1987 và cháu Lê Tiến T1, sinh ngày 30/9/1989. Hiện nay các con chung đều đã thành niên nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết

3, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 29/5/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Bà X và ông O không đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C mà đăng ký kết hôn năm 1987 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn bà X và ông O về chung sống cùng bố mẹ ông O tại xã T, huyện C. Đến năm 1993 thì bà X, ông O chuyển về ở hẳn tại thị trấn C, huyện C. Quá trình chung sống bà X, ông O hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Đến tháng 3/2024 mâu thuẫn giữa ông bà trở nên trầm trọng thì bà X chuyển về ở nhờ nhà em

gái bà X. Từ đó không quay về chung sống cùng ông O nữa, vợ chồng ông bà không ai còn quan tâm đến ai. Bà X và ông O có hai con chung là Lê Thị Minh T, sinh ngày 06/01/1987 và cháu Lê Tiến T1, sinh ngày 30/9/1989, các con chung đều đã thành niên. Nay bà X xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị X được ly hôn ông Lê Trọng O.

Về con chung: Cháu Lê Thị Minh T và cháu Lê Tiến T1 đã thành niên bà X, ông O không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Bà X, ông O không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Lê Trọng O có hộ khẩu thường trú tại khu G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông O vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238

Bộ luật tổ tụng dân sự, T2 án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt ông O.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa bà X và ông O là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn năm 1987 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa ông bà đã có vết rạn nứt, bà X cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, đến năm 2021 thì mâu thuẫn càng tăng, ông O có đánh bà phải đi nằm viện. Phía ông O cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có mâu thuẫn về ý ăn ý ở trong cuộc sống vợ chồng nên có nói nhau. Tuy nhiên vợ chồng vẫn chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, khi mâu thuẫn bà X có thách ông đánh nên ông có tát bà X. Bà X và ông O đều xác nhận vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Đến đầu tháng 3/2024 thì mâu thuẫn càng tăng hơn, bà X đã về nhà em gái bà X ở, từ đó không quay về chung sống cùng ông O nữa. Nay bà X kiên quyết xin ly hôn, ông O không đồng ý ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của bà X và ông O được đại diện chính quyền địa phương cung cấp quá trình chung sống ông bà có hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Đến tháng 3/2024 mâu thuẫn giữa ông bà trở nên trầm trọng thì bà X chuyển về ở nhờ nhà em gái bà X. Từ đó không quay về chung sống cùng ông O nữa, vợ chồng ông bà không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa bà X và ông O đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho ông bà sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho bà X được ly hôn ông O là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà X và ông O có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh T, sinh ngày 06/01/1987 và cháu Lê Tiến T1, sinh ngày 30/9/1989. Cả hai con chung đều đã thành niên, bà X và ông O không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Bà X và ông O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147 điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- [1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị X được ly hôn ông Lê Trọng O.
- [2]. Về con chung: Cháu Lê Thị Minh T và cháu Lê Tiến T1 đã thành niên bà X, ông O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- [3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Bà X, ông O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- [4]. Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà X đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004818 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
- [5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền